TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2023
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Châm
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thúy Hảo
Ông Nguyễn Văn Hải

***Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 85/2023/HNST ngày 23 tháng 2 năm 2023 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1988; Thường trú: Chợ ….. , ấp 2, xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Chử Văn H, sinh năm 1985; Thường trú: …. Đường L, Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Bà và ông Chử Văn H tự nguyện tìm hiểu gần ba năm sau đó tổ chức lễ cưới, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Vũng Tàu ngày 07/4/2016.

Trong thời gian đầu, bà và ông H chung sống khá hạnh phúc. Tới khoảng 2 năm gần đây bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn vì giữa hai bên có nhiều điểm khác biệt về tính cách không thể hòa hợp, có những mâu thuẫn không thể hòa giải khiến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, thiếu sự thấu hiểu, tôn trọng dành cho nhau. Bà và ông H đã ly thân khoảng 3 tháng, trong thời gian ly thân bà đã suy nghĩ kỹ và nhận thấy rằng bà và ông H không thể tiếp tục chung sống cùng nhau để cùng tạo lập hạnh phúc gia đình nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Chử Văn H.

2. Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Chử Hoàng Minh Đ sinh ngày 28/10/2016 và Chử Minh A sinh ngày 22/5/2019. Hiện tại 02 con đang ở với ông H, để các con ổn định trong học tập, sinh hoạt bà nhường quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con cho ông H. Việc cấp dưỡng nuôi con bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Chử Văn H không có mặt hoặc có văn bản để thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của ông H và bà N là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình tố tụng bà N xác nhận đã không còn tình nghĩa vợ chồng với ông H và không muốn tiếp tục hôn nhân với ông H. Ông H không có ý kiến với Tòa án thể hiện mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà N do đó đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là Chử Hoàng Minh Đ sinh ngày 28/10/2016 và Chử Minh A sinh ngày 22/5/2019. Bà N nhường quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con cho ông H và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Ông H không tới tòa làm việc để thể hiện nguyện vọng về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với bà N, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ánh N yêu cầu ly hôn với ông Chử Văn H thường trú tại Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Chử Văn H, tuy nhiên ông H vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Thị Ánh N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông H và bà N.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về yêu cầu ly hôn:

Ông Chử Văn H và bà Nguyễn Thị Ánh N chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Vũng Tàu ngày 07 tháng 4 năm 2016, là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương nơi ông H và bà N chung sống thì được cung cấp thông tin: Do bà N và ông H không trình báo nên địa phương không biết được về tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông H và bà N. Cả 02 con chung của ông H và bà N hiện đang do ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Trong quá trình tố tụng, bà N xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với ông H, cả hai người không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, vợ chồng đã không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, đã ly thân khoảng 3 tháng nay. Ông H không tới Tòa làm việc để thể hiện mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình đối với bà N. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 19; Điều 21; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh N với ông Chử Văn H có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung là Chử Hoàng Minh Đ sinh ngày 28/10/2016 và Chử Minh A, sinh ngày 22/5/2019. Cả 02 con chung của ông H và bà N hiện đang do ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà N xác định do hoàn cảnh kinh tế khó khăn chưa đủ điều kiện để nuôi con trong khi các con đang được ông H nuôi dạy tốt hơn nên bà nhường quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con cho ông H và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Ông H không tới tòa làm việc để thể hiện nguyện vọng về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ông Chử Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Chử Hoàng Minh Đ sinh ngày 28/10/2016 và Chử Minh A sinh ngày 22/5/2019 theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà N được quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[3].Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 19; Điều 21; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh N ly hôn với ông Chử Văn H.

2. Về con chung: Ông Chử Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Chử Hoàng Minh Đức, sinh ngày 28/10/2016 và Chử Minh Anh, sinh ngày 22/5/2019.

Bà N được quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003877 ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân.

5. Về quyền kháng cáo: Ông H, bà N vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường 2, TP.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm